

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại,
giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định nguyên tắc, điều kiện, trách nhiệm của cơ quan đề nghị, trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước (sau đây gọi chung là thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng trong Nghị định này bao gồm:

- a) Các cơ quan thuộc Chính phủ;
- b) Các tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo, quản lý;

c) Các tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

d) Các tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

đ) Các tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Nghị định này không áp dụng đối với các loại tổ chức sau:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

b) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp;

c) Hội đồng, Ủy ban, Ban thường xuyên hoặc lâm thời giúp Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả các tổ chức sự nghiệp nhà nước trong cơ cấu của doanh nghiệp);

đ) Các tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;

e) Các tổ chức sự nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tổ chức hành chính” là tổ chức tham mưu, hoạch định thể chế, chính sách và tổ chức thừa hành, thực thi pháp luật thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (bao gồm các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra, Văn phòng Bộ và một số tổ chức có tên gọi khác); các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bao gồm các Sở, Thanh tra, Văn phòng Ủy ban nhân dân và một số tổ chức có tên gọi khác); các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm các Phòng, Thanh tra, Văn phòng Ủy ban nhân dân và một số tổ chức có tên gọi khác).

2. “Tổ chức sự nghiệp nhà nước” là các tổ chức được thành lập và hoạt động để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước hoặc để thực hiện một số dịch vụ công (bao gồm các tổ chức sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, lao động - xã hội và các tổ chức sự nghiệp khác).

3. “Tổ chức lại các tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp” là việc sắp xếp, kiện toàn lại các tổ chức dưới các hình thức sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, chuyển giao, chia tách để hình thành tổ chức mới cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức

1. Thành lập tổ chức

Việc thành lập tổ chức phải xuất phát từ yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước; phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công và phải tuân thủ các nguyên tắc dưới đây:

a) Tổ chức hành chính chỉ được thành lập khi xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đã được thành lập trước đó. Quy mô tổ chức và loại hình tổ chức cần thành lập phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính nhà nước;

b) Tổ chức sự nghiệp nhà nước chỉ được thành lập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực mà loại dịch vụ công đó Nhà nước chưa chuyển giao cho các tổ chức ngoài khu vực nhà nước đảm nhiệm hoặc loại dịch vụ công đó các tổ chức ngoài khu vực nhà nước không thực hiện hoặc không đủ khả năng thực hiện.

Đối với những ngành, lĩnh vực đã có quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đó.

2. Tổ chức lại tổ chức

a) Việc tổ chức lại tổ chức hành chính khi có sự điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và phạm vi đối tượng quản lý hoặc tổ chức lại khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi, chuyển giao, nâng cấp tổ chức theo đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc tổ chức lại các tổ chức sự nghiệp nhà nước khi có sự sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi, chuyển giao, nâng cấp tổ chức hoặc thực hiện đề án sắp xếp lại quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp nhà nước.

3. Giải thể tổ chức

Tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước giải thể khi tổ chức đó không

xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và hoạt động không có hiệu quả hoặc tổ chức đó không còn chức năng, nhiệm vụ.

4. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức

1. Thành lập tổ chức

a) Có hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Điều 15 của Nghị định này;

b) Bảo đảm các điều kiện cần thiết về nhân sự, biên chế, kinh phí, trụ sở làm việc và trang thiết bị, phương tiện cần thiết để triển khai hoạt động sau khi tổ chức được thành lập.

2. Tổ chức lại tổ chức

a) Có hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này;

b) Có phương án về nhân sự lãnh đạo chủ chốt, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, biên chế, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện quyết định tổ chức lại tổ chức.

3. Giải thể tổ chức:

a) Có hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này;

b) Có phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, biên chế, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức

Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau:

1. Xây dựng Đề án, Tờ trình, Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức, Dự thảo Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của tổ chức (đối với việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước).

2. Thẩm định Đề án, Tờ trình, Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức, Dự thảo Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của tổ chức (đối với việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước).

3. Thẩm tra Đề án, Tờ trình, Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan đề nghị thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức

1. Tuân thủ nguyên tắc, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị định này để xây dựng đề án, tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định, soạn thảo dự thảo văn bản quyết định, dự thảo Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của tổ chức (đối với việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước), xin ý kiến của cơ quan thẩm định và các cơ quan có liên quan, báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến và lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức theo quy định tại Nghị định này.

2. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai hoạt động sau khi có quyết định thành lập tổ chức hoặc tổ chức lại.

3. Trực tiếp chỉ đạo việc triển khai thực hiện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức.

Điều 8. Thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức

Thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Mục 1

THÀNH LẬP TỔ CHỨC

Điều 9. Đề án thành lập tổ chức

1. Đề án thành lập tổ chức do cơ quan đề nghị thành lập tổ chức xây dựng để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức.

2. Nội dung Đề án bao gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý thành lập tổ chức;

b) Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức;

- c) Loại hình tổ chức cần thành lập;
- d) Cơ cấu của tổ chức cần thành lập;
- đ) Các yếu tố cần thiết bảo đảm cho tổ chức cần thành lập hoạt động; trong đó có dự kiến về nhân sự, biên chế, kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc và trang thiết bị, phương tiện cần thiết của tổ chức;
- e) Phương án thành lập và lộ trình hoạt động của tổ chức;
- g) Kiến nghị của cơ quan xây dựng đề án thành lập tổ chức.

Đối với việc thành lập các tổ chức sự nghiệp nhà nước, ngoài các nội dung trên đây, đề án còn có các nội dung khác theo quy định của các luật chuyên ngành, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan.

Điều 10. Tờ trình thành lập tổ chức

1. Tờ trình thành lập tổ chức do cơ quan đề nghị thành lập tổ chức xây dựng đề trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức.
2. Nội dung tờ trình đề nghị thành lập tổ chức gồm:
 - a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập tổ chức;
 - b) Những nội dung chính của đề án thành lập tổ chức;
 - c) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề cần xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức.
3. Tờ trình đề nghị thành lập tổ chức phải do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền đề nghị thành lập tổ chức ký và đóng dấu theo đúng quy định.

Điều 11. Lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan

1. Cơ quan đề nghị thành lập tổ chức phải gửi đề án đến cơ quan có liên quan theo quy định của các luật chuyên ngành và theo Quy chế làm việc của Chính phủ, của cơ quan hành chính nhà nước các cấp để lấy ý kiến bằng văn bản về việc thành lập tổ chức đó.
2. Việc lấy ý kiến và tham gia ý kiến của các cơ quan bằng văn bản phải tuân theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Điều 12. Thẩm định thành lập tổ chức

1. Cơ quan thẩm định

Đối với việc thành lập các tổ chức hành chính thì cơ quan thẩm định được quy định như sau:

a) Các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan thẩm định là Bộ Nội vụ;

b) Các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thì cơ quan thẩm định là Vụ Tổ chức cán bộ hoặc Ban Tổ chức cán bộ;

c) Các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì cơ quan thẩm định là Sở Nội vụ;

d) Các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan thẩm định là Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với việc thành lập các tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của từng cấp thì cơ quan thẩm định được quy định trong các luật chuyên ngành tương ứng.

2. Nội dung thẩm định gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập tổ chức;

b) Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, loại hình tổ chức, cơ cấu tổ chức của tổ chức cần thành lập;

c) Hồ sơ, thủ tục thành lập tổ chức theo quy định;

d) Điều kiện bảo đảm hoạt động đối với tổ chức cần thành lập;

đ) Tính khả thi của việc thành lập tổ chức.

3. Văn bản thẩm định do người đứng đầu cơ quan thẩm định ký. Nội dung của văn bản thẩm định phải bảo đảm đủ cơ sở để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định 1 trong 3 trường hợp sau:

a) Thống nhất việc thành lập tổ chức;

b) Không thống nhất việc thành lập tổ chức;

c) Chưa thành lập tổ chức, cần phải nghiên cứu thêm một số vấn đề trong đề án.

4. Đối với các tổ chức được thành lập trên cơ sở quyết định là văn bản quy phạm

pháp luật thì việc thẩm định còn phải tuân theo các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 13. Thẩm tra thủ tục, hồ sơ thành lập tổ chức

1. Cơ quan thẩm tra

a) Đối với các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan thẩm tra là Văn phòng Chính phủ;

b) Đối với các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thì cơ quan thẩm tra là Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Đối với các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan thẩm tra là Văn phòng Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Nội dung thẩm tra

a) Thẩm tra về thủ tục, hồ sơ của cơ quan đề nghị thành lập tổ chức và hồ sơ thẩm định của cơ quan thẩm định;

b) Phân tích, tổng hợp, có ý kiến đánh giá độc lập về nội dung của đề án;

c) Chính lý lần cuối nội dung, thể thức các dự thảo văn bản trình để hoàn tất trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức.

3. Cơ quan thẩm tra có trách nhiệm chuẩn bị văn bản thông báo lý do không (hoặc chưa) thành lập tổ chức trình cơ quan có thẩm quyền ký ban hành khi cơ quan này không (hoặc chưa) đồng ý với đề nghị thành lập tổ chức.

Điều 14. Quyết định thành lập tổ chức

1. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào văn bản thẩm định và việc thẩm tra, soát xét thủ tục, hồ sơ hợp lệ đã được xử lý theo quy chế làm việc và các quy định tại Nghị định này để quyết định việc thành lập tổ chức.

2. Hình thức văn bản của Quyết định thành lập tổ chức phải phù hợp với thẩm quyền của cơ quan quyết định thành lập tổ chức.

3. Việc chính lý và hoàn tất lần cuối dự thảo Quyết định thành lập tổ chức trước khi trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức, do cơ quan được giao chức năng thẩm tra chuẩn bị trên cơ sở dự thảo văn bản tiếp thu, chính lý của cơ quan đề nghị thành lập tổ chức và ý kiến của cơ quan thẩm định.

Điều 15. Hồ sơ thành lập tổ chức

1. Hồ sơ trình thành lập tổ chức gồm:

a) Đề án thành lập tổ chức;

b) Tờ trình về Đề án thành lập tổ chức, dự thảo Quyết định thành lập tổ chức (kèm theo), dự thảo Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của tổ chức (đối với việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước);

c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập tổ chức;

d) Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức (nếu có).

2. Hồ sơ thẩm định

a) Văn bản thẩm định về dự thảo Quyết định, Tờ trình, Đề án thành lập tổ chức, dự thảo Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của tổ chức (đối với việc thành lập tổ chức sự nghiệp nhà nước);

b) Dự thảo văn bản Quyết định thành lập tổ chức đã được sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh theo sự chuẩn bị của cơ quan thẩm định (nếu có).

3. Hồ sơ thẩm tra

a) Báo cáo thẩm tra của cơ quan được giao thẩm quyền thẩm tra về thủ tục, hồ sơ của cơ quan đề nghị, hồ sơ của cơ quan thẩm định;

b) Chính lý và hoàn chỉnh lần cuối các văn bản chuẩn bị trong hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức.

Điều 16. Gửi hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ thành lập tổ chức

1. Cơ quan đề nghị thành lập tổ chức gửi hồ sơ thành lập tổ chức đến các cơ quan được quy định như sau:

a) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức;

b) Gửi cơ quan thẩm định;

c) Gửi đến các cơ quan có liên quan để phối hợp xử lý hoặc để biết thì chỉ ghi tên các cơ quan đó vào phần cuối công văn, tờ trình (mục nơi nhận).

2. Hồ sơ gửi phải là các văn bản chính trình cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức.

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thành lập tổ chức phải lập danh mục theo dõi quá trình xử lý theo quy định.

Điều 17. Xử lý hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo chức năng, thẩm quyền của mình có trách nhiệm xử lý hồ sơ thành lập tổ chức theo Quy chế làm việc của cơ quan cùng cấp để quyết định hoặc có ý kiến thẩm định về việc thành lập tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi đã thẩm tra, soát xét thủ tục, hồ sơ thành lập tổ chức, nếu nội dung đề án và các văn bản khác còn có những vấn đề chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau thì cơ quan xử lý hồ sơ yêu cầu cơ quan đề nghị thành lập tổ chức giải trình thêm hoặc theo ủy quyền của người có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức hợp với cơ quan trình đề án và các cơ quan có liên quan để làm rõ và báo cáo người có thẩm quyền quyết định.

3. Cơ quan xử lý hồ sơ chủ trì, phối hợp với cơ quan đề nghị thành lập tổ chức hoàn tất hồ sơ và các thủ tục theo quy định để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức.

Điều 18. Thời hạn giải quyết việc thành lập tổ chức

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng thủ tục, cơ quan thẩm định phải hoàn tất văn bản thẩm định.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định, cơ quan thẩm tra phải có ý kiến chính thức về việc thành lập tổ chức.

Cơ quan thẩm tra thực hiện việc thẩm tra, soát xét lần cuối cùng các thủ tục, hồ sơ và chuẩn bị các văn bản cần thiết theo Quy chế làm việc của cơ quan để trình cấp có thẩm quyền quyết định việc thành lập tổ chức.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các loại hồ sơ thành lập tổ chức đã được xử lý theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập tổ chức theo quy định. Trường hợp, nếu chưa quyết định thành lập tổ chức thì phải có văn bản thông báo cho cơ quan trình đề nghị thành lập tổ chức biết rõ lý do.

Mục 2

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ TỔ CHỨC

Điều 19. Đề án, tờ trình tổ chức lại, giải thể tổ chức

1. Nội dung đề án và tờ trình về tổ chức lại, giải thể tổ chức bao gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý phải tổ chức lại, giải thể tổ chức;

b) Xây dựng phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

c) Quy định tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện phương án tổ chức lại, giải thể tổ chức và thời hạn xử lý các vấn đề trong phương án.

2. Việc tổ chức thẩm định đề án, tờ trình, dự thảo Quyết định kèm theo và tổ chức thẩm tra thủ tục, hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lại, giải thể tổ chức thực hiện như đối với việc thành lập tổ chức.

Điều 20. Hồ sơ tổ chức lại, giải thể tổ chức

1. Tổ chức lại tổ chức

a) Đề án về tổ chức lại tổ chức;

b) Tờ trình về đề án tổ chức lại tổ chức và dự thảo Quyết định về tổ chức lại tổ chức (kèm theo);

c) Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan;

d) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan.

2. Giải thể tổ chức

a) Đề án về giải thể tổ chức;

b) Tờ trình về đề án giải thể tổ chức và dự thảo Quyết định về giải thể tổ chức (kèm theo);

c) Các văn bản của các cơ quan có liên quan xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.

3. Trong trường hợp cụ thể, việc gửi hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ, thẩm định, thẩm tra thủ tục hồ sơ về tổ chức lại, giải thể tổ chức được thực hiện như đối với việc thành lập tổ chức.

Điều 21. Thời hạn giải quyết việc tổ chức lại, giải thể tổ chức

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, đúng thủ tục, cơ quan thẩm định phải hoàn tất văn bản thẩm định.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định, cơ quan thẩm tra phải có ý kiến chính thức về việc tổ chức lại, giải thể tổ chức.

Cơ quan thẩm tra thực hiện việc thẩm tra, soát xét lần cuối các thủ tục, hồ sơ và chuẩn bị các văn bản cần thiết theo Quy chế làm việc của cơ quan để trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lại, giải thể tổ chức.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các loại hồ sơ tổ chức lại, giải thể tổ chức đã được xử lý theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định việc tổ chức lại, giải thể tổ chức theo quy định. Trường hợp, nếu chưa quyết định việc tổ chức lại, giải thể tổ chức thì phải có văn bản thông báo cho cơ quan trình đề nghị việc tổ chức lại, giải thể tổ chức biết rõ lý do.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức theo Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng